

TCVN

TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

TCVN 12635-1-2019

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Xuất bản lần 1

BẢN GỐC TCVN

KHÔNG SAO CHỤP ĐỂ PHÁT HÀNH

**CÔNG TRÌNH QUAN TRẮC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN –
PHẦN 1: VỊ TRÍ, CÔNG TRÌNH QUAN TRẮC ĐỐI VỚI
TRẠM KHÍ TƯỢNG BỀ MẶT**

Hydro-meteorological observing works –

Part 1: Site and works for surface meteorological observing stations

HÀ NỘI – 2019

Mục lục

| | Trang |
|--|-------|
| Lời nói đầu..... | 4 |
| 1 Phạm vi áp dụng..... | 5 |
| 2 Thuật ngữ và định nghĩa..... | 5 |
| 3 Phân loại công trình quan trắc khí tượng bề mặt..... | 6 |
| 4 Vị trí, công trình quan trắc khí tượng bề mặt..... | 6 |
| 4.1 Vị trí, công trình quan trắc thủ công..... | 6 |
| 4.1.1 Vị trí..... | 6 |
| 4.1.2 Công trình..... | 6 |
| 4.1.2.1 Vườn quan trắc khí tượng bề mặt..... | 6 |
| 4.1.2.2 Ô quan trắc nhiệt độ đất và độ ẩm đất..... | 7 |
| 4.1.2.3 Lều khí tượng..... | 7 |
| 4.1.2.4 Cột lắp thiết bị đo gió..... | 7 |
| 4.1.2.5 Cột lắp thiết bị đo thời gian nắng..... | 8 |
| 4.1.2.6 Cột lắp thiết bị đo mưa..... | 8 |
| 4.1.2.7 Hàng rào vườn quan trắc khí tượng bề mặt..... | 8 |
| 4.1.2.8 Bố trí máy, thiết bị đo trong vườn quan trắc..... | 8 |
| 4.2 Vị trí, công trình quan trắc tự động..... | 8 |
| 4.2.1 Vị trí..... | 8 |
| 4.2.2 Công trình..... | 8 |
| 4.2.2.1 Khu vực lắp đặt máy, thiết bị..... | 8 |
| 4.2.2.2 Tháp (cột) quan trắc tự động..... | 8 |
| 4.2.2.3 Hàng rào vườn quan trắc tự động..... | 8 |
| Phụ Lục A (Quy định) Kính thước lều khí tượng bề mặt..... | 9 |
| Phụ lục B (Tham khảo) Sơ đồ bố trí trong các loại vườn quan trắc khí tượng bề mặt..... | 11 |
| Thư mục tài liệu tham khảo..... | 17 |

Lời nói đầu

TCVN 12635-1:2019 do Tổng cục Khí tượng Thủy văn biên soạn, Bộ Tài Nguyên và Môi Trường đề nghị, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thẩm định, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

Bộ TCVN 12635:2019 *Công trình quan trắc khí tượng thủy văn*, gồm 3 phần:

- TCVN 12635-1:2019, Phần 1: Vị trí công trình quan trắc đối với trạm khí tượng bề mặt.
- TCVN 12635-2:2019, Phần 2: Vị trí công trình quan trắc đối với trạm thủy văn.
- TCVN 12635-3:2019, Phần 3: Vị trí công trình quan trắc đối với trạm hải văn.

Công trình quan trắc khí tượng thủy văn –

Phần 1: Vị trí, công trình quan trắc đối với trạm khí tượng bề mặt

Hydro-meteorological observing works –

Part 1: Site and works for surface meteorological observing stations

1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định những yêu cầu về vị trí và công trình quan trắc khí tượng bề mặt.

2 Thuật ngữ và định nghĩa

Trong tiêu chuẩn này, áp dụng các thuật ngữ và định nghĩa sau:

2.1

Vị trí quan trắc khí tượng bề mặt (Site for surface meteorological observations)

Nơi xây dựng công trình quan trắc cố định để thực hiện công việc quan trắc khí tượng bề mặt thủ công hoặc tự động.

2.2

Công trình quan trắc khí tượng bề mặt (Works for surface meteorological observations)

Cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu kỹ thuật chuyên ngành để lắp đặt phương tiện quan trắc khí tượng bề mặt, được xây dựng để sử dụng quan trắc khí tượng bề mặt.

2.3

Hành lang kỹ thuật (Technical buffer zone)

Diện tích mặt đất, dưới đất, không gian cần thiết để công trình khí tượng bề mặt hoạt động đúng kỹ thuật, bảo đảm độ chính xác, số liệu phản ánh khách quan tính tự nhiên của khu vực theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế.

2.4

Vườn quan trắc khí tượng bề mặt (Works for surface meteorological observations)

Nơi lắp đặt phương tiện, máy, thiết bị đo và thực hiện quan trắc khí tượng bề mặt.

2.5

Ô quan trắc nhiệt độ đất và độ ẩm đất (Site for soil temperature and soil moisture observations)

Nơi đặt máy, thiết bị đo nhiệt độ của đất, độ ẩm đất trên bề mặt và các lớp đất sâu khác nhau, nằm trong vườn quan trắc khí tượng bề mặt.